TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 41 /2023/HS-ST Ngày: 25 -7- 2023	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lâp - Tư do - Hanh Phúc**

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - T□NH THANH HO□

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Anh - Đoàn thanh niên
Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh - Giáo viên hưu trí

- Th- ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Hoan - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST - HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28 ngày 15 tháng 5 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 29/5/2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 27/6/2023 đối với các bị cáo.

1. Đoàn Thế Minh Q, sinh ngày 26/10/2006 Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thế L và bà Phạm Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tuấn V, sinh ngày 16/ 01/2006 . Nơi cư trú: thôn X, Phường Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tiến D và bà Phạm Thị N; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tiền sự: Ngày 03/6/2022 Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" với mức phạt tiền 250.000 đồng. Tạm giữ; không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Hồng T, sinh ngày 12/12/2005. Nơi cư trú: thôn Tr, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng D và bà Đặng Thị T; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Nhật T, sinh ngày 29/7/2005. Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Bùi Thị T; vợ: chưa; tiền án,tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 09/12/2019 Công an Thành phố T xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (hành vi xảy ra ngày 06/12/2019); tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn C, sinh ngày 26/8/2005. Nơi cư trú: Làng N, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Lê Thị G; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Mai Xuân K, sinh ngày 26/8/2006. Nơi cư trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân T và bà Dương Thị H; vợ: chưa; tiền án: không; tiền sự: Ngày 30/9/2022 công an thành phố T xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Trịnh Duy L, sinh ngày 08/11/2005. Nơi cư trú: Phường A, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Duy H và bà Nguyễn Thị L; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 16/8/2021 công an thành phố T xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cáp tài sản. Ngày 08/9/2021 UBND phường A, thành phố T quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn về hành vi trộm cắp tài sản ;tạm giữ: không; tạm giam ngày 16/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/11/2001. Nơi cư trú: Phố T, Phường A, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q và bà Trần Thị T; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam ngày 23/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 10/02/2004. Nơi cư trú: Số nhà 04/275, đường N, Phường T, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Q (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam ngày 23/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Hoàng S, sinh ngày 07/02/2002. Nơi cư trú: Phố N, Phường A, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (Đã chết) và bà Doãn Thị T; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm

giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Phùng Huy H, sinh ngày 30/7/1997. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Bá Á và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thu T, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Lê Bá Minh C, sinh ngày 13/01/2004. Nơi cư trú: Tổ dân phố D, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá H và bà Lê Thị Hoàng Y; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 12/4/2021 UBND thị trấn T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.250.000đ về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác". Đã nộp phạt ngày 22/7/2021. Tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Ông Phạm Văn S - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. Là người bào chữa cho bị cáo Trịnh Duy L .

2. Ông Trần Tiến Q - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. Là người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân K

3. Bà Nguyễn Thị H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư Thanh Hóa. Là người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C và bị cáo Lê Nhật T

4. Ông Lê Khắc H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Là người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng T, Lê Tuấn V, Đoàn Thế Minh Q.

*** Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:**

1. Ông Đoàn Thế L - sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đoàn Thế Minh Q) - có mặt

2. Ông Lê Tiến D - sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn X, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Tuấn V) - có mặt.

3. Bà Bùi Thị T - sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Nhật T) - vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị T - sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Hồng T) - có mặt.

5. Bà Lê Thị G - sinh năm 1977. Nơi cư trú: Làng N, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn C) - có mặt.

6. Ông Mai Xuân T - sinh năm 1979. Nơi cư trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Mai Xuân K) - có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1975. Nơi cư trú: Phố Q, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trịnh Duy L) - có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** (trong vụ án cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự)

1. Chị Trần Thị Q - sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Viên Thị Y - sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Hồ Đức B- sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Lê Thị L - sinh năm 1978

Nơi cư trú:Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Phó H - sinh năm 1985

Nơi cư trú:Thôn H, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Đới Sỹ Đ - sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Lê Khả H - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

8. Anh Nguyễn Ngọc P - sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

9. Anh Nguyễn Danh L - sinh năm1976

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

10. Anh Phạm Công Q - sinh năm 2004

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

11. Anh Nguyễn Đức L - sinh năm 2003

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

12. Anh Lê Nhữ M - sinh năm 2003

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

13. Anh Lê Sỹ L - sinh năm 2006

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đông V, thành phố , tỉnh Thanh Hóa

14. Anh Vũ Đình D - sinh năm 2001

Nơi cư trú: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

15. Anh Vũ Như C - sinh năm 2003

Nơi cư trú: phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

16.Anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 2003

Nơi cư trú: Phố C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

17. Anh Nguyễn Trọng L - sinh năm 2006

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

18. Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 2004

Nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

19 . Anh Nguyễn Xuân M - sinh năm 2005

Nơi cư trú: Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

20. Chị Nguyễn Thị Y - sinh năm 2004

Nơi cư trú: Khu phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

21. Anh Lê Bá Nam - sinh năm 2003

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau:

* **Về hành vi Gây rối trật tự công cộng:**

Khoảng 19h30' ngày 09/12/2022, Trần Huy H điều khiển xe mô tô chở Lê Tuấn V đến nhà Đoàn Thế Minh Q ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để chơi. Khi đi đến khu vực Cầu S, gần Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q thì gặp Lê Nhật T. Thấy H, T nhớ H đang nợ mình số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chưa trả nên T đi xe vượt lên, chặn xe H lại và nói to: "*H ơi đứng lại đây anh nói chuyện"*. H sợ không đứng lại mà tăng ga chở Vĩ bỏ chạy. Quá trình đuổi theo, T bị V ngồi sau vo tờ giấy bằng bìa cứng ném nhưng không trúng. Sau đó, H chở V đến nhà Q. Tại đây cả hai gặp Q và Phạm Hồng T; H và V kể lại chuyện vừa bị T chặn xe lùa đuổi trên đường. Sau khi nghe xong, T nói lại với cả nhóm *"thôi, không vấn đề gì thì thôi"* rồi cả nhóm tiếp tục ngồi chơi được một lúc thì T và V ra về. Lúc này, tại nhà Q còn lại H và Q, H nói với Q "*Hay là em với mấy anh đi tìm thằng T đánh một trận"*, Q đồng ý. Khi T vừa chở V về đến nhà ở phố X, phường Q, Thành phố T thì Q gọi điện cho T nói *"bạn ở nhà V đi xong tôi với H qua đi tí việc"*. Sau đó Q và H đi đến nhà V. Tại đây Q nói với V, T, H " *bây giờ anh em ta đi tìm thằng T đánh*" thì tất cả đồng ý, rồi V đi vào trong bếp lấy ra 01 con dao và 01 cây kiếm để cả nhóm sử dụng đi tìm T.

Về phần T sau khi đuổi theo H và V không được nên đi về nhà chị Nguyễn Minh X .Trên đường đi về do bực tức vì bị V ném tờ giấy bằng bìa cứng trước đó nên T gọi video cho H hỏi "*Anh có làm gì mày đâu mà mày lại bỏ chạy?"*; H trả lời: "*Em tưởng là bị đánh nên em chạy*". T nói *"chứ nãy thằng kia sao lại ném cái gì vào người anh"*; Lúc này, V vừa lấy dao, kiếm ra nghe thấy H đang nói chuyện với T nên V đi lại ghé mặt vào điện thoại nói: "*Tao ném đấy thì sao, thích thì xuống đường Phạm Tiến N thị trấn huyện Q đánh nhau"* và H tắt máy. Sau khi về đến nhà chị X thì T thấy các bạn của mình gồm: Lê Nguyễn Hoàng N, Trịnh Duy L, Mai Xuân K, Lê Văn C, Nguyễn Ngọc T, Lê Hoàng S đang ngồi chơi. Tại đây T kể lại cho cả nhóm sự việc vừa xích mích với H và V rồi rủ cả nhóm đi đến Đường P thuộc khu phố 2 kéo dài đến Tổ dân phố T, Thị trấn T, huyện Q để đánh nhau với nhóm V và H thì tất cả đồng ý. T liền lấy 01 con dao và 01 mũi lê rồi gọi một xe taxi chở cả nhóm đi đến điểm hẹn. Còn nhóm của H, V đi trên hai xe mô tô cầm theo dao, kiếm cũng đến điểm hẹn.

Khoảng 21h00' cùng ngày thì nhóm của T và nhóm của H, Vgặp nhau tại ngã tư trước trụ sở của chi nhánh tập đoàn Viettel trên đường P thuộc Tổ dân phố T,

Thị Trấn T, huyện Q thì T hô "*Bọn nó đến đây rồi, anh em đánh chết mẹ bọn nó đi"*. T tay phải cầm một con dao, mũi lê thì dắt bên hông rồi cùng S, L, C, K, T, N nhặt gạch, đá, ven đường ném về phía nhóm của H. Bị nhóm T ném gạch, đá H, V, Q, T điều khiển xe mô tô cầm theo dao, kiếm bỏ chạy, vừa chạy vừa nẹt bô, rú ga, vòng xe qua lại khiêu khích, chửi bới nhóm T. Bị khiêu khích nhóm T tiếp tục hô hào nhặt thêm gạch, đá, cầm dao lùa đuổi theo ném, đánh nhóm của H. Đuổi được khoảng hơn 100m thì nhóm H yếu thế nên tăng ga bỏ chạy, nhóm T không đuổi kịp nên quay lại lên xe taxi đợi sẵn ra về. Sau khi bị nhóm T lùa đuổi chạy thoát được nên nhóm H cũng ra về.

Khi đi đến đường liên xã Thị trấn T thấy trước cửa một quán bia ven đường (không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) có để két vỏ chai bia thì Q nói với V, H, T dừng xe lại lấy vỏ bia quay lại tìm nhóm T để đánh lại, cả nhóm đồng ý. Do phải điều khiển xe nên H và Q không lấy vỏ bia còn T và V mỗi người lấy 4 -5 vỏ chai bia thủy tinh cầm ở tay. Cả nhóm quay lại đường cũ tìm nhóm T nhưng không thấy, do bực tức vì không gặp nhóm T để đánh lại nên nhóm Q cầm vỏ chai bia ném, đập xuống đường gây ồn ào, ầm ĩ. Cùng lúc này, lực lượng Công an Thị trấn T đi tuần tra đến, thấy vậy cả nhóm sợ vứt, ném số vỏ chai bia chưa đập và dao, kiếm lại bỏ chạy. Lực lượng Công an Thị trấn T lập biên bản thu giữ số hung khí mà nhóm Qu vứt bỏ lại rồi tiếp tục tuần tra thì gặp V và T nên tổ công tác mời cả hai về trụ sở làm việc.

Công an Thị trấn T đã thu giữ tại hiện trường.

- 01 (một) con dao tự chế dài 50cm, phần lưỡi dao bản rộng 5cm, dài 35cm, phần lưỡi dao sắc, nhọn, cán dao dài 15cm làm bằng gỗ được bọc sắt ở hai đầu.

- 01 (một) thanh kiếm dài 72cm bằng kim loại, phần lưỡi rộng 3cm, dài 50cm loại một lưỡi sắt, phần cán dài 22cm bằng gỗ bên ngoài quấn các sợi dây dạng dây dù.

- 02 (Hai) vỏ chai bia nhãn hiệu "THANH HOA", màu nâu đỏ, kích thước (24x6x2)cm, còn nguyên vẹn.

- 03 (Ba) vỏ chai bia nhãn hiệu "THABREW", màu xanh, kích thước (23x5x2)cm, còn nguyên vẹn.

- 05 (Năm) mảnh vỡ thủy tinh màu nâu đỏ, mảnh lớn nhất có kích thước (8x6)cm, mảnh nhỏ nhất có kích thước (1x2)cm.

- 03 (Ba) mảnh vỡ thủy tinh màu xanh, mảnh lớn nhất có kích thước (9x5)cm, mảnh nhỏ nhất có kích thước (5x2)cm.

Ngay sau khi nhận được báo cáo của Công an Thị Trấn Tân Phong, Cơ quan CSĐT đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Hiện trường vụ án là trục đường P thuộc Tổ dân phố T, Thị trấn T, huyện Q. Trên trục đường có nhiều Cơ quan hành chính Nhà nước đặt trụ sở như UBND huyện Quảng Xương, Ngân hàng chính sách, Cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước…vv.

Kết quả khám nghiệm hiện trường Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã thu giữ:

- 08 (Tám) mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu vàng đậm, mảnh lớn nhất kích thước (13x5)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (4,5 x 2)cm.

- 08 (Tám) mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu xanh, mảnh lớn nhất kích thước (9,5x3,5)cm, mảnh nhỏ nhất kích thước (5,5x1,5)cm.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trích xuất được các file video của Cửa hàng sơn JONTUN; Quán Karaoke NEW STAR, đều ở Tổ dân phố Tân Đoài, Thị Trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương. Tất cả đều được ghi vào đĩa CD. Tại Bản Kết luận giám định số 944/KL-KTHS ngày 26/02/2023, của Phòng PC09 - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận các file video gửi giám định không bị chỉnh sửa, cắt ghép.

Quá trình điều tra Lê Nhật T đã giao nộp 01 (một) con dao dài 42cm bằng kim loại có một lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 29cm, rộng 7cm, phần cán bằng gỗ dài 13cm và 01 (một) con dao dài 27,5cm, phần lưỡi dao sắc, mũi dao nhọn bằng kim loại màu đen dài 16cm, rộng 3cm trên có dòng chữ "COLUMBIA", ký hiệu NO:29#, phần sống dao dạng răng cưa, phần cán dao bằng nhựa màu đen dài 11,5cm. Đây là 02 con dao T sử dụng lùa đuổi đánh nhau với nhóm của Quân, Hùng

Tại Bản Kết luận giám định số 388/KL-KTHS ngày 13/01/2023, của Phòng PC09 - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 01 (một) thanh kiếm dài 72cm bằng kim loại, phần lưỡi rộng 3cm, dài 50cm loại một lưỡi sắt, phần cán dài 22cm bằng gỗ bên ngoài quấn các sợi dây dạng dây dù là thuộc loại vũ khí thô sơ.

- 01 (một) con dao dài 27,5cm, phần lưỡi dao sắc, mũi dao nhọn bằng kim loại màu đen dài 16cm, rộng 3cm trên có dòng chữ "COLUMBIA", ký hiệu NO:29#, phần sống dao dạng răng cưa, phần cán dao bằng nhựa màu đen dài 11,5cm là thuộc loại vũ khí thô sơ.

- 01 (một) con dao tự chế dài 50cm, phần lưỡi dao bản rộng 5cm, dài 35cm, phần lưỡi dao sắc, nhọn, cán dao dài 15cm làm bằng gỗ được bọc sắt ở hai đầu là dao, không phải vũ khí.

- 01 (một) con dao dài 42cm bằng kim loại có một lưỡi sắc, phần lưỡi dao dài 29cm, rộng 7cm, phần cán bằng gỗ dài 13cm là dao, không phải vũ khí.

Trong vụ án này: Đối với Trần Huy H là người thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng" với vai trò tích cực. Tuy nhiên tại thời điểm vi phạm H mới được 15 tuổi, 4 tháng, 23 ngày. Căn cứ khoản 2, Điều 12 BLHS thì hành vi này của Hùng chưa phải chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ theo khoản 2 điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Sửa đổi, bổ sung năm 2020); Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã lập, chuyển hồ sơ cho UBND xã Q, huyện Q đề nghị UBND xã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với H là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, không gắn biển kiểm soát mà Đoàn Thế Minh Q sử dụng đi đánh nhau là của anh Đoàn Thế L là bố đẻ Q; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, không gắn biển kiểm soát mà Phạm Hồng T sử dụng đi đánh nhau là của bà Hoàng Thị N là bà ngoại T. Khi Q và T sử dụng

những xe mô tô nói trên phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" thì anh L và bà N hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan điều tra không tiến hành truy thu là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động của T sử dụng liên lạc đi đánh nhau sau khi sự việc xảy ra T đã làm mất; 01 điện thoại di động của T sử dụng liên lạc thách thức đánh nhau, sau khi sự việc xảy ra cần tiền T đã bán cho 01 người không quen biết trên Thành phố T; 01 điện thoại di động của H, sau khi xảy ra cần tiền H đã bán cho 01 của hàng điện thoại trên Thành Phố T, H không nhớ địa chỉ. Do đó, Cơ quan CSĐT đã không tiến hành thu giữ được.

- Đối với lái xe taxi quá trình điều tra các bị can khai nhận khi bắt taxi T bảo chở xuống Q rồi chỉ đi vào đường P đến Ngã tư trước trụ sở của chi nhánh tập đoàn Viettel thì dừng lại. Lúc này T bảo lái xe taxi chờ ở đây tý đưa cả nhóm về. T không biết lái xe là ai, ở đâu và cũng không nói là chở đi đánh nhau. Do đó Cơ quan CSĐT không xác định được lái xe taxi để tiến hành điều tra.

*** Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:**

Quá trình điều tra Đoàn Thế Minh Q đã tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh đã qua sử dụng, số máy MT302LL/A; số Seri F2MXPK9JKXKN; lắp sim số 0965642989. Đây là điện thoại Q đã gọi cho T rủ đi đánh nhau. Cơ quan CSĐT đã tiến hành kiểm tra điện thoại thì phát hiện trong tài khoản zalo, mesenger, tin nhắn SMS và hình ảnh có nhiều nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng. Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra mở rộng vụ án, tại Cơ quan CSĐT Q khai đã cùng với Phùng Huy H và Lê Bá Minh C cho 09 cá nhân vay tiền với lãi suất từ 3.000đ đến 4.000đ/triệu/ngày. Căn cứ vào lời khai của Quân Cơ quan CSĐT đã triệu tập làm việc với Hoàng và Chiến.

Kết quả điều tra đã xác định như sau:

Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phùng Huy H: Do không có công ăn việc làm ổn định, bản thân lại có tiền nên Phùng Huy Hoàng đã nảy sinh ý định cho vay với lãi suất cao để lấy tiền lãi tiêu sài cá nhân. Từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, H đã thuê Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C với mức lương 5.000.000đ/ người/ tháng để cùng thực hiện hành vi cho nhiều người trên địa bàn huyện Quảng Xương và Thành phố S vay tiền với lãi suất cao. Để thực hiện hành vi phạm tội, H lập nick Zalo mang tên "Cống trúc qx" có H, Q và C trong nhóm để tiện thông báo cho nhau biết về việc khách vay tiền. H thuê nhà của chị Nguyễn Thị L làm địa điểm để giao dịch với khách vay tiền. Để cho nhiều người biết việc H cho vay tiền thì H đã in giấy thông báo cho vay tiền kèm theo số điện thoại của H rồi cùng Q, C đi rải dọc đường trên địa bàn huyện Q và thành phố S để khách hàng có thể liên hệ trực tiếp với H hoặc thông qua Q, C để làm thủ tục vay tiền, nếu người nào muốn vay tiền thì sẽ gọi cho H hoặc đến địa chỉ nơi H thuê ở C, Q làm thủ tục vay. Sau khi kiểm tra thông tin tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình… H sẽ cho khách vay tùy vào điều kiện của khách và thỏa thuận cắt lãi trước hoặc yêu cầu nộp lãi hàng ngày với khách. Q và C là người được Hoàng giao nhiệm vụ đi thu tiền lãi từ các khách vay.

Cụ thể: từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2022 Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C cho 09 khách vay tiền như sau:

1. Hoàng cho chị Trần Thị Q vay 4 lần.

- Lần thứ 1: Ngày 30/8/2022, chị Q vay số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/10 triệu. Khi vay H cắt lãi trước 1.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, chị Q nhận được 8.800.000đ. Còn lại 1.000.000đ tiền lãi hàng ngày Q phải đóng 20.000đ tiền lãi và 200.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tổng chị Q đã trả đủ cho H 10.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi, tương ứng với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày và tương ứng 146%/1 năm. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự (BLDS) H chỉ được thu lãi tối đa là: 273.973đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.726.027đ tiền lãi và 200.000đ tiền phí làm hồ sơ thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Ngày 02/10/2022, chị Q vay tiếp số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/10 triệu. Khi vay H cắt lãi trước 1.000.000đ, chị Q nhận được 9.000.000đ.(lần này không viết giấy vay). Còn lại 1.000.000đ tiền lãi hàng ngày Q phải đóng 20.000đ tiền lãi và 200.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tổng chị Q đã trả đủ cho H 10.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi, tương ứng với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày và tương ứng 146%/1 năm. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 273.973đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.726.027đ.

- Lần thứ 3: Ngày 06/11/2022, chị Q vay số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/10 triệu. Khi vay H cắt lãi trước 1.000.000đ, chị Q nhận được 9.000.000đ. (lần này không viết giấy vay). Còn lại 1.000.000đ tiền lãi hàng ngày Q phải đóng 20.000đ tiền lãi và 200.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Lần vay này chị Q đã trả xong cả gốc và lãi cho H vào ngày 15/12/2023. Tổng chị Q đã trả đủ cho H 10.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi, tương ứng với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày và tương ứng 146%/1 năm. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 273.973đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.726.027đ.

- Lần thứ 4: Ngày 12/12/2022, chị Q vay số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/ 50 ngày/ 10 triệu tương ứng với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 146%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 1.000.000đ, chị Q nhận được 9.000.000đ.(lần này không viết giấy vay). Còn lại 1.000.000đ tiền lãi hàng ngày Q phải đóng 20.000đ tiền lãi và 200.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tuy nhiên chị Q mới đóng 08 ngày được 1.760.000đ bao gồm cả gốc và lãi thì hành vi của H bị Cơ quan CSĐT phát hiện xử lý (ngày 20/12/2022) nên chị Q không trả nữa. Tổng cộng chị Q đã trả cho H 1.600.000đ tiền gốc và 1.160.000đ tiền lãi (tương ứng với 29 ngày tiền lãi đã đóng). Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là 158.904đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là 1.001.096đ. Hiện tại chị Q còn nợ H 8.400.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho chị Q vay 04 lần với số tiền gốc là 40.000.000đ, H đã thu lãi được: 7.160.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 980.000đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của

BLDS H đã thu lợi bất chính là: 6.179.178đ và 200.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là 6.379.178đ. Hiện tại chị Q còn nợ H 8.400.000đ tiền gốc chưa trả.

2. Hoàng cho chị Viên Thị Y vay 02 lần.

- Lần thứ 1: Ngày 13/09/2022, chị Y vay số tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 132,714%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, chị Y còn nhận được 8.800.000đ. H ngày chị Y phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Chị Y đã trả đủ cho Hoàng 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền phí làm hồ sơ thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Ngày 19/11/2022, chị Y vay số tiền 15.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 3.000.000đ/50 ngày/15 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng 146%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 3.000.000đ và 200.000đ tiền phí hồ sơ, chị Y còn nhận được 11.800.000đ và hàng ngày chị Y phải đóng 300.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tuy nhiên chị Y mới đóng 30 ngày được 9.000.000đ tiền gốc thì hành vi của H bị Cơ quan CSĐT phát hiện xử lý (ngày 20/12/2022) nên chị Y không trả nữa. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 410.959đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 2.589.041đ tiền lãi và 200.000 tiền phí làm hồ sơ thu trái pháp luật. Hiện chị Y còn nợ H 6.000.000đ tiền gốc.

Như vậy, H cho chị Y vay 02 lần với số tiền gốc là 26.000.000đ, H đã thu lãi được: 5.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 712.329đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 4.287.671đ và 400.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là 4.687.671đ. Hiện chị Y còn nợ H 6.000.000đ tiền gốc chưa trả.

3. Hoàng cho anh Hồ Đức Bách vay 03 lần.

- Lần thứ 1: Ngày 25/09/2022, anh B vay số tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng 132,714%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh B còn nhận được 8.800.000đ. H ngày anh B phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh B đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Ngày 03/11/2022, anh B vay số tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng 132,714%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh B còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh

B phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Lần vay này tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng anh B đã trả đủ cho H cả gốc và lãi cho H vào ngày 10/12/2022. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật.

- Lần thứ 3: Ngày 04/12/2022, anh B vay số tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng 132,714%/1 năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh B còn nhận được 8.800.000đ. H ngày anh B phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng anh B đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc vào ngày 12/01/2023 và 2.000.000đ tiền lãi đã cắt trước. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật.

Như vậy, H đã cho anh B vay 03 lần với số tiền gốc là 33.000.000đ, H đã thu lãi được 6.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 904.110đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 5.095.890đ và 600.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là: 5.695.890đ.

4. Hoàng cho chị Lê Thị Liên vay 01 lần.

Vào cuối tháng 10/2022, H cho chị L vay số tiền 15.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 3.000.000đ/50 ngày/15 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ 1 ngày, tương ứng 146%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 3.000.000đ và 200.000đ tiền phí hồ sơ, chị L còn nhận được 11.800.000đ và hàng ngày chị L phải đóng 300.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Tuy nhiên chị L mới đóng được 2.000.000đ tiền gốc thì hành vi của H bị Cơ quan CSĐT phát hiện xử lý nên chị L không trả nữa. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 410.959đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 2.589.041đ tiền lãi và 200.000đ tiền thu trái pháp luật. Hiện chị L còn nợ H 13.000.000đ tiền gốc chưa trả.

5. Hoàng cho anh Nguyễn Phó H vay 2 lần.

- Lần thứ 1: Ngày 27/10/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Ngày 09/12/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước

2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả cho H 4.300.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật. Hiện anh H còn nợ H 6.700.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho anh H vay 02 lần với số tiền gốc là 22.000.000đ. H đã thu lãi được 4.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 602.704đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 3.397.260đ và 400.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là: 3.797.260đ. Hiện anh H còn nợ H 6.700.000đ tiền gốc chưa trả.

6. Hoàng cho anh Đới Sỹ Điệp vay 3 lần.

- Lần thứ 1: Cuối tháng 9/2022, anh Đ vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm . Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh Đ còn nhận được 8.800.000đ. H ngày anh Đ phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh Đ đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Cuối tháng 10/2022, anh Đ vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh Đ còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh Đ phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh Đ đã trả đủ cho Hoàng 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 3: Ngày 05/12/2022, anh Đ vay số tiền 15.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 3.000.000đ/50 ngày/15 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/ 1 triệu/1 ngày, tương ứng 146%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 3.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh Đ còn nhận được 11.800.000đ. Hằng ngày anh Đ phải đóng 300.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh Đ đã trả cho H 5.400.000đ tiền gốc, 3.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 410.959đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 2.589.041đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật. Hiện anh Đ còn nợ H 9.600.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho anh Đ vay 03 lần với số tiền gốc là 37.000.000đ. H đã thu lãi được 7.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là:1.013.699đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 5.986.301đ và 600.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng

số tiền H thu lời bất chính là: 6.586.301đ. Hiện anh Đ còn nợ H 9.600.000đ tiền gốc chưa trả.

7. Hoàng cho anh Lê Khả H vay 6 lần.

- Lần thứ 1: Ngày 03/04/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Ngày 15/05/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 3: Ngày 30/06/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 4: Ngày 05/08/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H 11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 5: Ngày 15/09/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh H đã trả đủ cho H

11.000.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 6: Ngày 09/11/2022, anh H vay số tiền 11.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 2.000.000đ/50 ngày/11 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 2.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh H còn nhận được 8.800.000đ. Hằng ngày anh H phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Đến ngày 19/12/2022 anh H đã trả cho H 9.020.000đ tiền gốc, 2.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 1.698.630đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật. Hiện anh H còn nợ H 1.980.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho anh H vay 06 lần với số tiền gốc là 66.000.000đ. H đã thu lãi được 12.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 1.808.220đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 10.191.780đ và 1.200.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền Hoàng thu lời bất chính là: 11.391.780đ. Hiện anh H còn nợ H 1.980.000đ tiền gốc chưa trả.

8. Hoàng cho anh Nguyễn Ngọc P vay 3 lần.

- Lần thứ 1: Cuối tháng 8//2022, anh P vay số tiền 20.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 4.000.000đ/50 ngày/20 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 146%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 4.000.000đ và 300.000đ phí hồ sơ, anh P còn nhận được 15.700.000đ. Hằng ngày anh P phải đóng 400.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh P đã trả đủ cho H 20.000.000đ tiền gốc, 4.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 547.945đđ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 3.452.055đ tiền lãi và 300.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Khoảng tháng 10/2022, anh P vay số tiền 22.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 4.000.000đ/50 ngày/22 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 4.000.000đ và 400.000đ phí hồ sơ, anh P còn nhận được 17.600.000đ. Hằng ngày anh P phải đóng 440.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh P đã trả đủ cho H 22.000.000đ tiền gốc, 4.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 602.740đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 3.397.260đ tiền lãi và 400.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 3: Ngày 19/12/2022, anh P vay số tiền 22.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 4.000.000đ/50 ngày/22 triệu, tương ứng với lãi suất 3.636đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 132,714%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 4.000.000đ và 400.000đ phí hồ sơ, anh P còn nhận được 17.600.000đ. Hằng ngày anh P phải đóng 440.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh P đã trả cho H 2.200.000đ

tiền gốc vào ngày 22/12/2022, 4.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 602.740đ , số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 3.397.260đ tiền lãi và 400.000 tiền thu trái pháp luật. Hiện anh P còn nợ H 19.800.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho anh P vay 03 lần với số tiền gốc là 64.000.000đ. H đã thu lãi được 12.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 1.753.425đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 10.246.575đ và 1.100.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là: 11.346.575đ. Hiện anh P còn nợ H 19.800.000đ tiền gốc chưa trả.

9. Hoàng cho anh Nguyễn Danh vay 2 lần.

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 8/2022, anh L vay số tiền 15.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 3.000.000đ/50 ngày/15 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 146%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 3.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh L còn nhận được 11.800.000đ. Hằng ngày anh P phải đóng 300.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh L đã trả đủ cho H 15.000.000đ tiền gốc, 3.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 410.959đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 2.589.041đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

- Lần thứ 2: Khoảng tháng 9/2022, anh L vay số tiền 15.000.000đ hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, với lãi suất 3.000.000đ/50 ngày/15 triệu, tương ứng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 146%/1năm. Khi vay H cắt lãi trước 3.000.000đ và 200.000đ phí hồ sơ, anh L còn nhận được 11.800.000đ. Hằng ngày anh P phải đóng 300.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Đến ngày 06/12/2022 anh L đã trả cho H 5.500.000đ tiền gốc, 3.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là: 410.959đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 2.589.041đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật. Hiện anh L còn nợ H 9.500.000đ tiền gốc.

Như vậy, H đã cho anh L vay 02 lần với số tiền gốc là 30.000.000đ. H đã thu lãi được 6.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi thu theo mức lãi suất vay cao nhất theo qui định của BLDS là: 821.918đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo qui định của BLDS H đã thu lợi bất chính là: 5.178.082đ và 400.000đ tiền phí làm hồ sơ. Tổng số tiền H thu lời bất chính là: 5.578.082đ. Hiện anh L còn nợ Hg 9.500.000đ tiền gốc chưa trả.

*** Tổng cộng**, từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2022, H đã sử dụng số tiền 333.000.000đ cho 09 khách nêu trên vay với lãi suất từ 3.636đ đến 4.000đ/1 triệu/1ngày, tương ứng với lãi suất từ 132,714%/1năm đến146%/1năm, mức lãi suất trên vượt quá từ 6,636 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong đó, H đã thu được 62.160.000đ tiền lãi và 5.100.000đ tiền phí làm hồ sơ của khách, theo quy định của BLDS H chỉ được thu lãi tối đa là 9.008.219đ, số tiền

thu lời bất chính là **53.151.781đ** tiền lãi và **5.100.000đ** tiền thu phí làm hồ sơ, tổng cộng H đã thu lợi bất chính là: **58.251.781đ**. Hành vi của H đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Còn Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C đã được Hoàng thuê giúp H cho vay, đi rải tờ rơi và thu tiền lãi nên hành vi của Q và C đồng phạm với H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự với vai trò giúp sức.

*** Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đoàn Thế Minh Q**

Ngoài ra trong quá trình làm thuê cho Hoàng, Đoàn Thế Minh Q thấy có lợi nhuận cao nên đã nói dối bố là ông Đoàn Thế L cho 100.000.000đ để đi học nghề và mở tiệm cắt tóc rồi dùng số tiền này thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022 Q đã cùng Phạm Hồng T cho 12 người trên địa bàn huyện Q, Thành phố T, Thành phố Sầm Sơn vay tiền với lãi suất cao so với quy định của pháp luật, cụ thể:

1. Ngày 29/10/2022, Q cho Phạm Công Q vay với số tiền 5.000.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng. Khi vay Q cắt trước 700.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi suất 4.667đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 170,35%/năm. Q còn nhận được 4.300.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện nên số tiền lãi theo thoả thuận của Q với Q là 01 tháng 20 ngày tương ứng số tiền 1.166.700đ. Q đã trả lãi cho Q được 01 tháng là 700.000đ, còn tiền lãi 20 ngày là 466.700đ và tiền gốc 5.000.000đ Q chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 01 tháng 20 ngày là: 136.986đ, số tiền thu lợi bất chính Q nhằm đạt được là 1.029.714đ. Thực tế Q đã thu 700.000đ, nên cần truy thu Q số tiền thu lợi bất chính 563.014đ. Hiện anh Q còn nợ Q 5.000.000đ tiền gốc chưa trả.

2. Ngày 03/11/2022, Q cho Nguyễn Đức L vay với số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng. Khi vay Q cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 6.667đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 170,35%/năm. L còn nhận được 8.000.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện nên số tiền lãi theo thoả thuận của Q với L là 01 tháng 16 ngày tương ứng số tiền: 3.066.720đ. L đã trả lãi cho Q được 01 tháng là: 2.000.000đ, còn tiền lãi 16 ngày là: 1.066.720 và tiền gốc 10.000.000đ L chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 01 tháng 16 ngày là: 252.055đ, số tiền thu lợi bất chính Q nhằm đạt được là 2.814.665đ. Thực tế Q đã thu 2.000.000đ nên cần truy thu Q số tiền thu lợi bất chính đã thu là 1.747.945đ. Hiện anh L còn nợ Q 10.000.000đ tiền gốc chưa trả.

3. Ngày 02/11/2022, Q cho Lê Nhữ M vay với số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 03 tháng. Khi vay Q cắt trước 2.100.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 7.000đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 255,5%/năm và 300.000đ tiền phí hồ sơ. M còn nhận được 7.600.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện nên số tiền lãi theo thoả thuận của Q với M là 01 tháng 17 ngày tương ứng số tiền 3.290.000đ. M đã trả lãi cho Q được 01 tháng là 2.100.000đ, còn tiền lãi 17 ngày là 1.190.000đ và tiền gốc 10.000.000đ M chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 01 tháng

17 ngày là: 257.534đ, số tiền thu lợi bất chính Q nhằm đạt được là 3.032.466đ và 300.000đ tiền thu trái pháp luật. Thực tế Q đã thu 2.400.000đ (2.100.000đ tiền lãi và 300.000đ phí làm hồ sơ) nên cần truy thu Q số tiền thu lợi bất chính đã thu là 2.142.466đ. Hiện anh M còn nợ Q 10.000.000đ tiền gốc chưa trả

4. Ngày 04/11/2022, Q cho Lê Sỹ L vay với số tiền 6.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, trong 50 ngày. Khi vay Q cắt trước 2.800.000đ tiền lãi trong 50 ngày tương ứng với lãi xuất 9.333đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 340,655%/năm. M còn nhận được 3.200.000đ. Hằng ngày anh L phải đóng 120.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh L đã trả đủ cho Q 6.000.000đ tiền gốc, 2.800.000đ tiền lãi. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là 164.384đ. Do đó Q đã thu lợi bất chính là: 2.635.616đ.

5. Ngày 18/11/2022, Q cho Vũ Đình D vay với tiền 11.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, trong 50 ngày. Khi vay Q cắt trước 2.600.000đ tiền lãi trong 50 ngày tương ứng với lãi xuất 4.727/1 ngày/1 triệu, tương ứng 172,536%/năm và 500.000đ tiền phí hồ sơ. D còn nhận được 7.900.000đ. Hằng ngày anh D phải đóng 220.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Anh D đã trả cho Q được 5.000.000đ tiền gốc, 2.600.000đ tiền lãi. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là: 301.370đ, số tiền Q đã thu lợi bất chính là: 2.298.630đ tiền lãi và 500.000đ tiền phí làm hồ sơ thu trái pháp luật. Hiện anh D còn nợ Q 6.000.000đ tiền gốc chưa trả

6. Ngày 01/11/2022, Q cho Vũ Như C vay số tiền 10.000.000đ ,hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 03 tháng. Khi vay Q cắt trước 2.100.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 7.000đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 255,5%/năm và 500.000đ tiền phí hồ sơ, C còn nhận được 7.400.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện thì Q đã thu của C được 02 tháng tiền lãi, tổng cộng là 4.200.000đ, còn tiền gốc 10.000.000đ C chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 02 tháng là 328.767đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 3.871.233 tiền lãi và 500.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật. Hiện anh C còn nợ Q 10.000.000đ tiền gốc chưa trả.

7. Ngày 07/11/2022 Q cho Nguyễn Thanh T vay với số tiền 6.000.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 6 tháng. Khi vay Q cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của 02 tháng đầu tiên, tương ứng với lãi xuất 5.556đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 203%/năm và 200.000đ tiền phí hồ sơ. T còn nhận được 3.800.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện thì Q đã thu của T được 02 tháng tiền lãi, tổng cộng là 2.000.000đ, còn tiền gốc 6..000.000đ Toàn chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 02 tháng là: 197.260đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 1.802.740đ tiền lãi và 200.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật. Hiện anh T còn nợ Q 6.000.000đ tiền gốc chưa trả

8. Ngày 29/10/2022 Q cho Nguyễn Trọng L vay với số tiền 3.500.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng. Khi vay Q cắt trước 1.800.000đ tiền lãi của 02 tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 8.571đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 312,842%/năm và 200.000đ tiền phí hồ sơ. L còn nhận được 1.500.000đ. Đến ngày 13/12/2022, (01 tháng 14 ngày) L đã trả hết tiền gốc cho Q, nên Q trả lại cho L 500.000đ tiền lãi tương đương 16 ngày tiền lãi. Như vậy, Q cho L vay số tiền 3.500.000đ, Q thu được 1.300.000đ tiền lãi tương ứng với lãi xuất 8.442đ/1 ngày/1

triệu và 200.000đ tiền phí hồ sơ. Mà theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là 84.384đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 1.215.616đ tiền lãi và 200.000 tiền thu trái pháp luật.

9. Ngày 02/11/2022, Q cho Nguyễn Văn T vay với số tiền 5.000.000đ, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng . Khi vay Q cắt trước 800.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 5.333đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 195%/năm . T còn nhận được 4.200.000đ. Nhưng đến ngày 02/12/2022 (01 tháng) T đã trả đủ 5.000.000đ tiền gốc cho Q. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là 82.192đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 717.808đ.

10. Ngày 01/11/2022, Q cho Nguyễn Xuân M vay số tiền 3.000.000đ, khi vay Quân cắt trước 900.000đ tiền lãi của 02 tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 5.000đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 182,5%/năm và 200.000đ tiền phí hồ sơ, M còn nhận được 1.900.000đ. Đến ngày 19/12/2022 Q bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện thì Q đã thu của M được 02 tháng tiền lãi, tổng cộng là 900.000đ, còn tiền gốc 3.000.000đ M chưa trả. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa của 02 tháng là 98.630đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 801.370đ tiền lãi và 200.000 tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật. Hiện M còn nợ Q 3.000.000đ tiền gốc.

11. Ngày 07/11/2022, Q cho Nguyễn Thị Y vay với số tiền 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận trả góp theo ngày, trong 50 ngày. Khi vay Q cắt trước 2.500.000đ tiền lãi trong 50 ngày tương ứng với lãi xuất 5.000đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 182,5%/năm. Y còn nhận được 7.500.000đ. Hằng ngày Y phải đóng 200.000đ tiền gốc trong 50 ngày. Sau đó Y đã trả cho Q 10.000.000đ tiền gốc, 2.500.000đ tiền lãi. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là 273.973đ. Do đó, Q đã thu lợi bất chính 2.226.027đ.

12. Ngày 10/11/2022, Q cho Lê Bá N vay với số tiền 10.000.000đ, khi vay Q cắt trước 1.500.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên tương ứng với lãi xuất 5.000đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng 182,5%/năm. N còn nhận được 8.500.000đ. Đến ngày 08/12/2022 N đã trả 10.000.000đ tiền gốc cho Quân. Như vậy, theo quy định của BLDS Q chỉ được thu lãi tối đa là 164.384đ. Do đó Q đã thu lợi bất chính 1.335.616đ.

*** Tổng cộng**, từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, Q đã sử dụng số tiền 89.500.000đ cho 12 khách vay với lãi suất từ 4.667đ đến 9.333đ/1 ngày/1 triệu, tương ứng với mức lãi suất từ 170,35%/năm đến 340,655%/năm, mức lãi suất này vượt quá từ 8,517 lần đến 17,033 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng cộng tính đến thời điểm phát hiện tội phạm (ngày 19/12/2022) Q đã nhằm thu lãi với số tiền là: 26.123.420đ và 1.900.000đ tiền phí làm hồ sơ của khách. Nhưng theo quy định của BLDS Quân chỉ được thu lãi tối đa là 2.341.918đ. Do đó tổng cộng Q đã nhằm thu lợi bất chính **25.681.502**đ, bao gồm 23.781.502đ tiền lãi và 1.900.000đ tiền thu phí làm hồ sơ trái pháp luật.Tuy nhiên thực tế Q đã thu được 25.300.000đ (bao gồm 23.400.000đ tiền lãi và 1.900.000đ tiền thu trái pháp luật). Sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thì Q đã thu lợi bất chính số tiền 22.958.082đ**.**

Như vậy, Đoàn Thế Minh Q ngoài chịu trách nhiệm hình sự trong việc giúp Phùng Huy Hoàng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính

58.251.781đ, còn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tự mình cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi là 25.681.502đ. Do đó, tổng cộng Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tổng số tiền thu lợi bất chính là **83.933.283đ.**

* Đối với hành vi của Phạm Hồng T giúp Q cho khách vay để Q nhằm thu lợi bất chính số tiền là 25.681.502đ (T chỉ giúp Q cho khách vay bằng nguồn tiền của Q, T không được hưởng lợi), số tiền chưa đủ số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000đ theo quy định và nhân thân T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Vì vậy, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

* Trong vụ án này: Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị L cho Phùng Huy H thuê nhà sử dụng làm địa điểm kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng không được cấp phép, sau đó H sử dụng làm địa điểm để giao dịch cho khách vay tiền. Tuy nhiên, chị L không biết H sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của ông Đoàn Thế L khi cho Q số tiền 100.000.000đ để Q học nghề và mở tiệm cắt tóc. Ông L không biết Quân sử dụng số tiền này để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, thu lời bất chính. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 25/CTr-VKSQX ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá truy tố Đoàn Thế Minh Q, Lê Tuấn V, Phạm Hồng T, Lê Nhật T, Lê Văn C, Mai Xuân Kh, Trịnh Duy L, Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Lê Hoàng S về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Truy tố Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q, Lê Bá Minh C về tội về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng

1. Đoàn Thế Minh Q: điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 2 Điều 100; Điều 103 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 17 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng" và 07 đến 08 tháng tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", qui đổi thời gian cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù để tổng hợp hình phạt. Do bị cáo phạm tội đang ở tuổi chưa thành niên, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo không phải khấu trừ thu nhập

2. Lê Nhật T: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 17 tháng tù.

3. Lê Tuấn V: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù.

4. Mai Xuân K: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù.

5. Trịnh Duy L: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù.

6. Nguyễn Ngọc T: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù

7. Lê Nguyễn Hoàng N: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù.

8. Phạm Hồng T: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS; khoản 4 Điều 328 BLTTHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

9. Lê Văn C: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS; khoản 4 Điều 328 BLTTHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo..

10. Lê Hoàng S**:** điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

11. Phùng Huy H: Khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ. Bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

12. Lê Bá Minh C: Khoản1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 14 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ. Bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

+ Về vật chứng trong tội "gây rối trật tự công cộng" gồm: 02 vỏ chai bia nhãn hiệu "THANH HOA"; 03 vỏ chai bia nhãn hiệu "THABREW", màu xanh; 05 mảnh vỡ thủy tinh màu nâu đỏ; 03 mảnh vỡ thủy tinh màu xanh; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu vàng đậm; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu xanh; 01 con dao tự chế dài 50cm; 01 thanh kiếm dài 72cm bằng kim loại; 01 con dao dài 42cm bằng kim loại; 01 con dao dài 27,5cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh đã qua sử dụng, số máy MT302LL/A; số Seri F2MXPK9JKXKN thu của Đoàn Thế Minh Quân là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền của những người vay chưa trả cho Phùng Huy H bao gồm: chị Trần Thị Q 8.400.000đ; chị

Viên Thị Y 6.000.000đ; chị Lê Thị L 13.000.000đ; anh Nguyễn Danh L 9.500.000đ; anh Nguyễn Phó H 6.700.000đ; anh Đới Sỹ Đ 9.600.000đ; anh Lê Khả H 1.980.000đ; anh Nguyễn Ngọc P 19.800.000đ.

- Buộc Phùng Huy H trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay bao gồm: chị Trần Thị Q 6.379.178đ; chị Viên Thị Y 4.687.671đ; anh Hồ Đức B 5.695.890đ; chị Lê Thị L 2.789.041đ; anh Nguyễn Danh L 3.797.260đ; anh Nguyễn Phó H 2.902.740đ; anh Đới Sỹ Đ 6.586.301đ; Lê Khả H 11.391.781đ; anh Nguyễn Ngọc P 11.346.575đ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 258.020.000đ (đã trừ đi số tiền những người vay chưa trả) của Phùng Huy H sử dụng vào việc cho vay lãi nặng và 9.008.219đ tiền lãi mà H đã thu theo quy định. Tổng cộng 267.028.219đ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền của những người vay chưa trả cho Đoàn Thế Minh Q bao gồm: anh Phạm Công Q 5.000.000đ; anh Nguyễn Đức L 10.000.000đ; anh Lê Nhữ M 10.000.000đ; anh Vũ Đình D 6.000.000đ; anh Vũ Như C 10.000.000đ; anh Nguyễn Thanh T 6.000.000đ; anh Nguyễn Xuân M 3.000.000đ.

- Buộc Đoàn Thế Minh Qu trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay bao gồm: anh Phạm Công Q 617.808đ; anh Nguyễn Đức Lâm 1.835.616đ; anh Lê Nhữ M 2.235.616đ; anh Lê Sỹ L 2.635.616đ; anh Vũ Đình D 2.798.630đ; anh Vũ Như C 4.371.233đ; anh Nguyễn Thanh T 2.002.740đ; anh Nguyễn Trọng L 1.415.616đ; Nguyễn Văn T 717.808đ; anh Nguyễn Xuân M 1.001.370đ; chị Nguyễn Thị Y 2.226.027đ; anh Lê Bá N 1.335.616đ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 39.500.000đ (đã trừ đi số tiền những người vay chưa trả) của Đoàn Thế Minh Q sử dụng vào việc cho vay lãi nặng và 2.341.918đ tiền lãi mà Quân đã thu theo quy định.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

*Tại phiên tòa phần tranh luận người bào chữa cho các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng" đều có chung ý kiến: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Về đánh giá mức độ hành vi phạm tội, đánh giá vai trò của các bị cáo cũng như áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là hoàn toàn phù hợp.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Duy L: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cũng như mức độ hành vi phạm tội, bị cáo chỉ tham gia với vai trò giúp sức và là người chưa thành niên, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Xuân Kh: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Khánh, chỉ tham gia với vai trò giúp sức, phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo ở mức thấp nhất.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn C và bị cáo Lê Nhật T: Các bị cáo khi phạm tội đang ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt và xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo và

cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Hồng T, Lê Tuấn V, Đoàn Thế Minh Q: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo khi phạm tội đang ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức còn hạn chế, xem xét mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

*Tại phiên tòa những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo có mặt đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đề nghị xét xử theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của các bị thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo và lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập phản ánh trong hồ sơ:

*** Đối với hành vi Gây rối trật tự công cộng**

Đủ cơ sở chứng minh: Do thách thức nhau nên vào khoảng 21h00’ ngày 09/12/2022, trên trục đường P nơi có nhiều trụ sở của các cơ quan hành chính nhà nước, thuộc Tổ dân phố T, Thị Trấn T, huyện Quảng Xương. Lê Nhật T, Lê Hoàng S, Lê Văn C, Mai Xuân K, Trịnh Duy L, Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Đoàn Thế Minh Q, Lê Tuấn V, Phạm Hồng T đã có hành vi sử dụng dao, kiếm, gạch, đá, vỏ chai bia lùa đuổi đánh, ném nhau. Quá trình lùa đuổi các đối tượng hô hào, nẹt bô trêu ngươi, thách thức nhau, đập, ném vỏ chai bia gây náo loạn, ồn ào khu phố, làm mất trật tự an ninh. Nên tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Đoàn Thế Minh Q, Lê Tuấn V, Phạm Hồng T, Lê Nhật T, Lê Văn C, Mai Xuân K, Trịnh Duy L, Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Lê Hoàng S về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Thế Minh Q, Lê Tuấn V, Phạm Hồng T, Lê Nhật T, Lê Văn C, Mai Xuân K, Trịnh Duy L, Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Lê Hoàng S có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: “Gây rối trật tự công cộng”. Do các bị cáo sử dụng sử dụng dao, kiếm, gạch, đá, vỏ chai bia lùa đuổi đánh, ném nhau gây rối trật tự công cộng, do

vậy các bị cáo phải chịu chung tình tiết định khung là "dùng hung khí" và phải chịu trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

*** Đối với hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:**

Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 12/2022, Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C đã sử dụng tiền của Phùng Huy H cho 09 người trên địa bàn huyện Qu và Thành phố S vay tiền với mức lãi suất từ 132,714%/1năm đến 146%/1năm, mức lãi suất trên vượt quá từ 6,636 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Thu lợi bất chính **58.251.781đ.**

Ngoài ra, Đoàn Thế Minh Q còn tự mình sử dụng tiền cho 12 người trên địa bàn huyện Quảng Xương, Thành phố S và Thành phố T vay với lãi suất từ 170,35%/năm đến 340,655%/năm, mức lãi suất này vượt quá từ 8,517 lần đến 17,033 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính **25.681.502đ**. Như vậy, Đoàn Thế Minh Q ngoài chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tự mình cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi là 25.681.502đ còn phải chịu trách nhiệm hình sự trong việc giúp Phùng Huy H cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính **58.251.781**đ. Do đó, tổng cộng Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tổng số tiền thu lợi bất chính là **83.933.283đ.**

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C có đầy đủ dấu hiệu của tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3].Về tính chất vụ án:

[3.1].Trong vụ án Gây rối trật tự công cộng có nhiều bị cáo tham gia, có bị cáo đã thành niên, có bị cáo đang ở tuổi chưa thành niên và cư trú ở nhiều nơi khác nhau, bản thân các bị cáo đều là những đối tượng thiếu sự thường xuyên quan tâm, giám sát, giáo dục của gia đình, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân các bị cáo đã tụ tập nhau sử dụng dao, kiếm, gạch, đá, vỏ chai bia lùa đuổi đánh, ném nhau, quá trình lùa đuổi các đối tượng hô hào, nẹt bô trêu ngươi, thách thức nhau, đập, ném vỏ chai bia gây náo loạn, ồn ào khu phố, làm mất trật tự an ninh thuộc địa bàn Tổ dân phố Tâ, Thị Trấn T, huyện Q. Hành vi của các bị cáo thể sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, quy tắc sống xã hội chủ nghĩa, làm ảnh h- ởng đến hoạt động bình th- ờng của mọi người dân ở nơi công cộng, gây ảnh hưởng và làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây d- luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[3.2].Trong vụ án vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: các bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất mà không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 132,714%/1năm đến 146%/1năm, mức lãi suất trên vượt quá từ 6,636 lần đến 7,3 lần so với mức lãi

suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và từ 170,35%/năm đến 340,655%/năm, mức lãi suất này vượt quá từ 8,517 lần đến 17,033 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4].Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong tội Gây rối trật tự công cộng: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi d- ới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể với nhau từ trước, khi có người thách thức thì tất cả rủ nhau đồng ý tham gia và tự hiểu ý nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4.1].Các bị cáo Đoàn Thế Minh Q, Lê Nhật T đều là những người khởi xướng hẹn đánh nhau, rủ thêm các đối tượng khác cùng tham gia, bị cáo Q điều khiển xe mô tô, bị cáo T trực tiếp sử dụng dao và đều là người thực hành tích cực, hô hào lùa đuổi nẹt bô trêu ngươi thách thức đánh nhau nên có vai trò thứ nhất ngang nhau trong vụ án. Các bị cáo Phạm Hồng T, Lê Tuấn Vlà những người sử dụng dao; bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Lê Hoàng S, Lê Văn C, Mai Xuân K, Trịnh Duy L sử dụng gạch đá là hung khí nguy hiểm thực hiện hành vi lùa đuổi, chửi bới, đạp ném gạch, vỏ chai bia, nên có vai trò thứ hai ngang nhau trong vụ án.

[4.2]. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đoàn Thế Minh Q, Phạm Hồng T, Trịnh Duy L đều có đơn trình bầy hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị cáo Lê Hoàng S có bà nội là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, gia đình hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm do bệnh hiểm nghèo, bản thân là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị cáo Lê Văn C có bà ngoại là người có công với cách mạng được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gia đình hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo (có sổ theo dõi). Bị cáo Lê Nguyễn Hoàng N có ông nội là Liệt sỹ. Bị cáo Lê Nhật T có ông nội được tặng bằng khen trong kháng chiến chống Pháp. Bị cáo Mai Xuân K có ông ngoại là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4.4]. Như đánh giá ở trên cũng như xét tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Q, T tuy khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên nhưng tham gia với vai trò thứ nhất (bị cáo T có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt hành chính). Các bị cáo N, T, K, L, V tuy xếp vai trò thứ hai, nhưng bị cáo N, T khi phạm tội đã đủ tuổi thành niên, có đầy đủ nhận thức về hành vi của mình. Bị cáo K, L, V khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên nhưng các bị cáo đều có nhân thân xấu đều từng bị xử lý hành chính.Vì vậy, việc cách ly các bị cáo Q, T, N, T, K, L, V khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo một phần vì thành

khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Q, N, L, T, K được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4.5]. Đối với bị cáo T, C, S cả 03 tham gia vai trò thứ hai, trong đó các bị cáo T, C thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên, bị cáo S đã thành niên nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như nêu ở phần trên. Xét thấy cả 03 bị cáo đều chưa tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo T, C, S khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4.6]. Các bị cáo Q, T, V, T, C, K, L ngày phạm tội chưa thành niên, nên áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5].Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong tội Vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

[5.1].Bị cáo Phùng Huy H là người sử dụng tiền và thuê Đoàn Thế Minh Q và Lê Bá Minh C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên giữ vai trò thứ nhất. Đoàn Thế Minh Q ngoài việc giúp H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng còn tự mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên xếp Q giữ vai trò ngang với H. Lê Bá Minh C giúp H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên giữ vai trò thứ hai.

[5.2]. Cả 03 bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cả 03 bị cáo có chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo H và bị cáo C có chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Ch có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có mẹ đẻ được UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh nhân Covid 19 được qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5.3]. Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nên áp dụng Điều 36 BLHS phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Q, H, C là phù hợp. Khi xem xét quyết định mức hình phạt cần xem xét vai trò, mức độ hành vi phạm tội, số tiền thu lời bất chính và các tình tiết giảm nhẹ để có mức án cho phù hợp cho từng bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, nên áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền cáo H 40.000.000đ; bị cáo C 30.000.000đ là phù hợp. Riêng bị cáo Q khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo H, C là lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo; Bị cáo Q áp dụng khoản 2 Điều 100 BLHS không khấu trừ thu nhập.

[7]. Trong vụ án này đối với bị cáo Q phạm 02 tội, nên áp dụng Điều 55, Điều 103 của BLHS để tổng hợp hình phạt.

[8]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp

[8.1]. Về vật chứng trong tội "Gây rối trật tự công cộng" gồm: 02 vỏ chai bia nhãn hiệu "THANH HOA"; 03 vỏ chai bia nhãn hiệu "THABREW", màu xanh; 05 mảnh vỡ thủy tinh màu nâu đỏ; 03 mảnh vỡ thủy tinh màu xanh; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu vàng đậm; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu xanh; 01 con dao tự chế dài 50cm; 01 thanh kiếm dài 72cm bằng kim loại; 01 con dao dài 42cm bằng kim loại; 01 con dao dài 27,5cm không có giá trị sử dụng, đây là công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy (Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2023)

[8.2]. Đối với tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

+ Về vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh đã qua sử dụng, số máy MT302LL/A; số Seri F2MXPK9JKXKN thu của Đoàn Thế Minh Q đây là phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước. (Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày17/4/2023)

+ Biện pháp tư pháp đối với Phùng Huy H

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho Phùng Huy H bao gồm: chị Trần Thị Q 8.400.000đ; chị Viên Thị Y 6.000.000đ; chị Lê Thị L 13.000.000đ; anh Nguyễn Danh L 9.500.000đ; anh Nguyễn Phó H 6.700.000đ; anh Đới Sỹ Đ 9.600.000đ; anh Lê Khả H 1.980.000đ; anh Nguyễn Ngọc P 19.800.000đ. Đây là số tiền của Hoàng dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS nên cần buộc chị Q, chị Y, chị L, anh L, anh H, anh Đ, anh H, anh P phải nộp lại số tiền nợ trên để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc H cho vay và đã thu lại của những người vay số tiền là 258.020.000đ (đã trừ đi số tiền những người vay chưa trả), đây là tiền H sử dụng làm phương tiện phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần truy thu của H để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 9.008.219đ tiền lãi mà H đã thu theo quy định tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu của H để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền H đã thu lãi của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: chị Trần Thị Q 6.379.178đ; chị Viên Thị Y 4.687.671đ; anh Hồ Đức B 5.695.890đ; chị Lê Thị L 2.789.041đ; anh Nguyễn Danh L 3.797.260đ; anh Nguyễn Phó H 2.902.740đ; anh Đới Sỹ Đ 6.586.301đ; Lê Khả H 11.391.781đ; anh Nguyễn Ngọc P 11.346.575đ. Quá trình điều tra xác định những người này đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền H thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc H phải trả lại số tiền trên cho những người vay trên.

+ Biện pháp tư pháp đối với Đoàn Thế Minh Q

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho Q bao gồm: anh Phạm Công Q 5.000.000đ; anh Nguyễn Đức L 10.000.000đ; anh Lê Nhữ M 10.000.000đ; anh Vũ Đình D 6.000.000đ; anh Vũ Như C 10.000.000đ; anh Nguyễn Thanh T 6.000.000đ; anh Nguyễn Xuân M 3.000.000đ. Đây là số tiền của Q dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần buộc anh Q, anh L, anh M, anh D, anh C, anh T, anh M phải nộp lại số tiền nợ trên để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc Q cho vay và đã thu lại của những người vay số tiền là 39.500.000đ (đã trừ đi số tiền những người vay chưa trả), đây là tiền Q sử dụng làm phương tiện phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần truy thu của Q để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.341.918đ tiền lãi mà Q đã thu theo quy định tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu của Q để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền Q đã thu lãi của người vay vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: anh Phạm Công Q 617.808đ; anh Nguyễn Đức L 1.835.616đ; anh Lê Nhữ M 2.235.616đ; anh Lê Sỹ L 2.635.616đ; anh Vũ Đình D 2.798.630đ; anh Vũ Như C 4.371.233đ; anh Nguyễn Thanh T 2.002.740đ; anh Nguyễn Trọng L 1.415.616đ; Nguyễn Văn T 717.808đ; anh Nguyễn Xuân M 1.001.370đ; chị Nguyễn Thị Y 2.226.027đ; anh Lê Bá N 1.335.616đ. Quá trình điều tra xác định những người này đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp. Đây là khoản tiền Q thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc Q phải trả lại số tiền trên cho những người vay trên.

[9].Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 BLHS (đối với các bị cáo Q, V, T, K, L, T, C, T, N, S); Khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo Q, T, K, L, T, C, N, S); Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Q, V, Thành, K, L, T, N); khoản 1,2 Điều 65 BLHS (đối với bị cáo T, C, S); Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS (đối với bị cáo Q, V, T, K, L, T, C); Khoản 4 Điều 328 BLTTHS (đối với C, T).

- Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 201 BLHS (đối với bị cáo H, C); Khoản 1 Điều 201 BLHS (đối bị cáo Q); điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo Q, H, C); điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo H, C); khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo C); khoản 2 Điều 35 BLHS (đối với bị cáo H, C); Điều 36 BLHS (đối với bị cáo Q, H, C); Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 55; khoản 2 Điều 100; Điều 103 BLHS (đối với bị cáo Q)

- Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc

hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Đoàn Thế Minh Q, Lê Tuấn V, Phạm Hồng T, Lê Nhật T, Lê Văn C, Mai Xuân K, Trịnh Duy L, Nguyễn Ngọc T, Lê Nguyễn Hoàng N, Lê Hoàng S phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Phùng Huy H, Đoàn Thế Minh Q, Lê Bá Minh C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

1. Xử phạt: Đoàn Thế Minh Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" , (qui đổi 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ bằng 02 tháng 10 ngày tù).Tổng hợp với hình phạt của 02 tội là: 17 (mười bảy) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2022.

2. Xử phạt: Lê Nhật T 15 (mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2022.

3. Xử phạt: Lê Tuấn V 13 (mười ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính tù từ ngày 16/12/2022.

4. Xử phạt: Mai Xuân K 13 (mười ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/12/2022.

5. Xử phạt: Trịnh Duy Linh 13 (mười ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2022.

6. Xử phạt: Nguyễn Ngọc T 24 (hai bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 23/12/2022.

7. Xử phạt: Lê Nguyễn Hoàng N 24 (hai bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2022.

8. Xử phạt: Phạm Hồng T 13(mười ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (hai sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Phạm Hồng T tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

9. Xử phạt: Lê Văn C 13(mười ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (hai sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Văn C tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

10. Xử phạt: Lê Hoàng S 24 (hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Hoàng S cho Ủy ban nhân dân phường An Hưng, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.

11. Xử phạt: Phùng Huy H 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Tân, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trrong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

12. Xử phạt: Lê Bá Minh C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trrong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

*** Về hình phạt bổ sung:** Phạt bị cáo Phùng Huy Hg 40.000.000đ, phạt bị cáo Lê Bá Minh C30.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Ho, bị cáo C.

*** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp**

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ chai bia nhãn hiệu "THANH HOA"; 03 vỏ chai bia nhãn hiệu "THABREW", màu xanh; 05 mảnh vỡ thủy tinh màu nâu đỏ; 03 mảnh vỡ thủy tinh màu xanh; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu vàng đậm; 08 mảnh vỡ thủy tinh dạng vỏ chai bia, màu xanh; 01 con dao tự chế dài 50cm; 01 thanh kiếm dài 72cm bằng kim loại; 01 con dao dài 42cm bằng kim loại; 01 con dao dài 27,5cm

- Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh đã qua sử dụng, số máy MT302LL/A; số Seri F2MXPK9JKXKN thu của Đoàn Thế Minh để sung nộp ngân sách Nhà nước.

(Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2023)

+ Biện pháp tư pháp: Đối với bị cáo H

- Truy thu bị cáo H số tiền 258.020.000đ và số tiền 9.008.219đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu từ chị Trần Thị Q 8.400.000đ; chị Viên Thị Y 6.000.000đ; chị Lê Thị L 13.000.000đ; anh Nguyễn Danh L 9.500.000đ; anh Nguyễn Phó H 6.700.000đ; anh Đới Sỹ Đ 9.600.000đ; anh Lê Khả H 1.980.000đ; anh Nguyễn Ngọc P 19.800.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H phải trả lại cho chị Trần Thị Q 6.379.178đ; chị Viên Thị Y 4.687.671đ; anh Hồ Đức B 5.695.890đ; chị Lê Thị L 2.789.041đ; anh Nguyễn Danh L 3.797.260đ; anh Nguyễn Phó H 2.902.740đ; anh Đới Sỹ Đ 6.586.301đ; Lê Khả H 11.391.781đ; anh Nguyễn Ngọc P 11.346.575đ.

+ Biện pháp tư pháp: Đối với bị cáo Q

- Truy thu từ bị cáo Q số tiền 39.500.000đ và số tiền 2.341.918đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu từ anh Phạm Công Q 5.000.000đ; anh Nguyễn Đức L 10.000.000đ; anh Lê Nhữ M 10.000.000đ; anh Vũ Đình D 6.000.000đ; anh Vũ Như C 10.000.000đ; anh Nguyễn Thanh T 6.000.000đ; anh Nguyễn Xuân M 3.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Q phải trả cho anh Phạm Công Q 617.808đ; anh Nguyễn Đức L 1.835.616đ; anh Lê Nhữ M 2.235.616đ; anh Lê Sỹ L 2.635.616đ; anh Vũ Đình D 2.798.630đ; anh Vũ Như C 4.371.233đ; anh Nguyễn Thanh T 2.002.740đ; anh Nguyễn Trọng L 1.415.616đ; Nguyễn Văn T 717.808đ; anh Nguyễn Xuân M 1.001.370đ; chị Nguyễn Thị Y 2.226.027đ; anh Lê Bá N 1.335.616đ.

*** Án phí hình sự sơ thẩm:** Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Q, V, T, C, K, L; người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người dại diện hợp pháp cho bị cáo,
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án DS huyện Quảng Xương;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thị Huyền